

Trường Tiểu Học Mildred B. Janson

Phiếu Báo Cáo Trách Nhiệm Giải Trình của Trường Học năm 2023-2024 (Công bố trong năm học 2024-2025)



Thông tin chung về Báo Cáo Trách Nhiệm Giải Trình của Trường Học (SARC)

Tổng quan về SARC



Theo luật của tiểu bang, trước ngày 1 tháng 2 hàng năm, mọi trường học ở California đều phải công bố Báo Cáo Trách Nhiệm Giải Trình của Trường Học (SARC). SARC bao gồm các thông tin về tình trạng và thành tích của từng trường công lập tại California. Theo Danh Mục Kiểm Soát Tài Chính Địa Phương (LCFF), tất cả các cơ quan giáo dục địa phương (LEA) đều phải lập Kế Hoạch Tự Chủ và Trách Nhiệm Giải Trình của Địa Phương (LCAP), trong đó mô tả cách họ dự định đạt được các mục tiêu cụ thể hằng năm của trường học cho tất cả học sinh, với các hoạt động cụ thể nhằm giải quyết các ưu tiên của tiểu bang và địa phương. Ngoài ra, dữ liệu được báo cáo trong LCAP phải nhất quán với dữ liệu được báo cáo trong SARC.

- Để biết thêm thông tin về các yêu cầu của SARC và quyền truy cập các báo cáo của những năm trước, vui lòng tham khảo trang web SARC của Bộ Giáo Dục California (CDE) tại địa chỉ <https://www.cde.ca.gov/ta/ac/sa/>.
- Để biết thêm thông tin về LCFF hoặc LCAP, vui lòng truy cập trang web LCFF của CDE tại <https://www.cde.ca.gov/fq/aa/lc/>.
- Để biết thêm thông tin về trường học, phụ huynh/người giám hộ và thành viên cộng đồng nên liên hệ với hiệu trưởng trường học hoặc văn phòng khu học chánh.

Quý vị có thể yêu cầu nhận bản cứng Phiếu Báo Cáo Trách Nhiệm Giải Trình của Trường Học tại Văn Phòng Trường.

DataQuest



DataQuest là một công cụ dữ liệu trực tuyến tích hợp trên trang web DataQuest của CDE tại địa chỉ <https://dq.cde.ca.gov/dataquest/>, bao gồm thông tin bổ sung về trường học này và thông tin so sánh giữa trường với khu học chánh và quận. Cụ thể, DataQuest là một hệ thống động cung cấp các báo cáo về trách nhiệm giải trình (ví dụ: dữ liệu khảo thí, tuyển sinh, học sinh tốt nghiệp trung học, bỏ học, số lượng ghi danh khóa học, nhân sự và dữ liệu liên quan đến người học tiếng Anh).

Bảng Thông Tin Trường Học Tiểu Bang California



Bảng Thông Tin Trường Học Tiểu Bang California (Bảng Thông Tin) <https://www.caschooldashboard.org/> phản ánh hệ thống cải tiến liên tục và trách nhiệm giải trình mới của California và cung cấp thông tin về cách các LEA và trường học đáp ứng nhu cầu của các nhóm học sinh đa dạng tại California. Bảng Thông Tin chứa các báo cáo hiển thị thành tích hoạt động của LEA, trường học và nhóm học sinh theo một loạt các thước đo của tiểu bang và địa phương để hỗ trợ xác định điểm mạnh, thách thức và lĩnh vực cần cải thiện.

Truy cập Internet

Có thể truy cập Internet tại các thư viện công cộng và những địa điểm khác mà công chúng có thể truy cập (ví dụ: Thư Viện Tiểu Bang California). Việc truy cập Internet tại các thư viện và địa điểm công cộng thường được thực hiện theo nguyên tắc ai đến trước được phục vụ trước. Các hạn chế sử dụng khác có thể bao gồm giờ hoạt động, thời gian sử dụng máy trạm (tùy theo tình trạng sẵn có), loại chương trình phần mềm có sẵn trên máy trạm và khả năng in tài liệu.

Yêu Cầu Tuyển Sinh vào Đại Học California (UC)	Yêu cầu tuyển sinh vào UC tuân theo các hướng dẫn nêu trong Kế Hoạch Chung, trong đó yêu cầu một phần tám số học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông của tiểu bang, cũng như những học sinh chuyển trường đã hoàn thành các khóa học đại học cụ thể, đủ điều kiện được tuyển sinh vào UC. Những yêu cầu này được thiết kế nhằm đảm bảo tất cả học sinh đủ điều kiện đều được chuẩn bị đầy đủ cho chương trình học ở bậc Đại học. Để biết các yêu cầu tuyển sinh chung, vui lòng truy cập trang web Thông Tin Tuyển Sinh của UC tại địa chỉ https://admission.universityofcalifornia.edu/ .
Yêu Cầu Tuyển Sinh vào Đại Học Tiểu Bang California (CSU)	Điều kiện để được nhận vào CSU được xác định bởi ba yếu tố: (1) Các khóa học cụ thể ở trường trung học, (2) Điểm số ở các khóa học cụ thể và điểm thi, và (3) Tốt nghiệp trung học. Một số trường có tiêu chuẩn cao hơn cho các chuyên ngành cụ thể hoặc học sinh cư trú bên ngoài khu vực trường. Do số lượng học sinh nộp đơn nhiều nên một số trường có tiêu chuẩn cao hơn (tiêu chuẩn tuyển sinh bổ sung) cho tất cả các ứng viên. Hầu hết các cơ sở CSU đều có chính sách đảm bảo tuyển sinh tại địa phương cho học sinh tốt nghiệp hoặc chuyển tiếp từ các trường trung học và cao đẳng có lịch sử liên kết với cơ sở CSU trong khu vực đó. Để biết thông tin về tuyển sinh, cách nộp đơn và lệ phí, vui lòng tham khảo trang web CSU tại địa chỉ https://www2.calstate.edu/ .

Thông tin liên lạc của Trường năm học 2024-25

Tên Trường học	Trường Tiểu Học Mildred B. Janson
Đường phố	8628 Marshall Street
Thành phố, Tiểu bang, Mã bưu chính	Rosemead, CA 91770
Số điện thoại	(626) 288-3150
Hiệu Trường	Shirley Conde
Địa chỉ email	sconde@rosemead.k12.ca.us
Trang web của Trường	www.rosemead.k12.ca.us/janson
Phạm vi cấp lớp	P-6
Mã Quận-Khu Học Chánh-Trường	19-64931-6022180

Thông tin liên lạc của Khu học chánh 2024-25

Tên Khu học chánh	Khu Học Chánh Rosemead
Số điện thoại	(626) 312-2900
Giám Đốc Khu Học Chánh	Dr. Philip D'Agostino
Địa chỉ email	pdagostino@rosemead.k12.ca.us
Trang web của Khu học chánh	www.rosemead.k12.ca.us

Mô Tả và Tuyển Bổ Sứ Mệnh của Trường năm học 2024-25

Thông Điệp từ Hiệu Trường: Trường Tiểu Học Mildred B. Janson là trường đào tạo từ Mầm Non đến lớp 6. Đây là một trong năm trường thuộc Khu Học Chánh Tiểu Học Rosemead, nằm cách trung tâm thành phố Los Angeles mười hai dặm về phía đông. Janson được thành lập vào năm 1945 và được vinh danh là Trường Xuất Sắc California năm 2023 vì thành tích học tập mẫu mực. Chỉ có 6% trường tiểu học ở California đạt được thành tích này. Tại Janson, mọi người luôn nỗ lực cùng nhau để bảo đảm chất lượng giáo dục và thành công cho tất cả học sinh. Chúng tôi không ngừng nỗ lực cải thiện chương trình cũng như cung cấp cho học sinh nhiều cơ hội học tập và giao lưu. Trường Mildred B. Janson tự hào là trường chính thức đạt danh hiệu "Trường Lighthouse Leader In Me", trường đầu tiên đạt danh hiệu Trường Lighthouse tại California. Ngoài ra, Janson còn được công nhận là Legacy School (Trường Di Sản), là trường thứ 2 trên thế giới đạt được sự công nhận này. Vào Tháng Mười Một, 2024, Mildred B. Janson đã được tái chứng nhận là Trường Di Sản. Điều này có nghĩa là Janson vừa đang duy trì vừa đang đổi mới trong chương trình Leader In Me. Mỗi học sinh và nhân viên đều hiểu rõ 8 Thói Quen. Đây chính

Mô Tả và Tuyên Bố Sứ Mệnh của Trường năm học 2024-25

là ngôn ngữ chung ở ngôi trường của chúng tôi. Chúng tôi tin tưởng rằng mọi học sinh đều có tố chất lãnh đạo và công việc của những nhà giáo dục như chúng tôi là bồi dưỡng và phát huy tố chất đó. Đội ngũ nhân viên luôn nỗ lực hết mình đều được đào tạo bài bản về hình mẫu Lãnh Đạo và 8 Thói Quen. Tất cả các nhân viên đều tận tâm tạo ra những thay đổi tích cực cho tất cả học sinh.

Janson tự hào chia sẻ rằng thông qua khoản tài trợ, chúng tôi đang hợp tác với ECELA: Thu hút các Học Viên Tiếng Anh tại California thông qua Nghệ Thuật. Nhờ mối quan hệ hợp tác này với ECELA, Mildred B. Janson có thể cung cấp chương trình phát triển chuyên môn, huấn luyện và cơ hội cho học sinh để thu hút học sinh thông qua nghệ thuật. Ngoài ra, với sự hỗ trợ của học khu, Janson có thể cung cấp các mối quan hệ hợp tác đa dạng với các nghệ sĩ lưu trú nhằm mang đến các chương trình như: Ukulele, Hợp Xướng, lớp học nhảy Conga cho trẻ em, sáng tác truyện và nghệ thuật thị giác.

Các mục tiêu học tập của Mildred B Janson:

- 1 - Ngữ Văn: Bảo đảm sự phát triển phù hợp cho tất cả học sinh trong môn Ngữ Văn Tiếng Anh để các em phát triển đúng hướng. Sử dụng dữ liệu để cung cấp hoạt động giảng dạy có mục tiêu, bao gồm cả can thiệp, cho những học sinh có nhu cầu.
- 2 - Toán Học: Sử dụng dữ liệu để cung cấp hoạt động giảng dạy có mục tiêu về toán học, bao gồm cả can thiệp, cho những học sinh có nhu cầu. Bảo đảm sự phát triển toàn diện cho tất cả học sinh về môn toán.
- 3 - Phát Triển Ngôn Ngữ Tiếng Anh: Sử dụng dữ liệu để cung cấp hoạt động giảng dạy có mục tiêu cho Học Viên Tiếng Anh. Bảo đảm sự phát triển toàn diện về tiếng Anh cho tất cả học sinh.
- 4 - Khoa Học: Tiếp tục cung cấp hoạt động giảng dạy có ý nghĩa về khoa học (phù hợp với Tiêu Chuẩn Khoa Học Thế Hệ Tiếp Theo).
- 5 - Sự Tham Gia của Phụ Huynh: Tăng cường sự tham gia của phụ huynh bằng cách để phụ huynh tình nguyện dành thời gian ở trường theo nhiều cách khác nhau, bao gồm tham gia PTA, tình nguyện trong lớp học hoặc văn phòng và đóng góp ý kiến vào các quyết định của trường. Mục tiêu cuối cùng là để phụ huynh tham gia, hiểu biết về văn hóa và tầm nhìn của nhà trường, được cung cấp các công cụ hữu ích để hỗ trợ con em mình, cảm thấy hạnh phúc và quan trọng nhất là hài lòng với môi trường của nhà trường.
- 6 - Văn Hóa - Tăng cường môi trường và văn hóa học đường tích cực, nơi tất cả học sinh đều có khả năng giải quyết vấn đề và được công nhận về hành vi tích cực (PBIS), tất cả học sinh sẽ tham gia vào các chương trình PBIS và LIM (Leader in Me) trên toàn trường.

Để theo dõi và đo lường tiến độ thực hiện các mục tiêu nêu trên, chúng tôi sử dụng cả chỉ số của tiểu bang và địa phương mà chúng tôi theo dõi hàng năm và trong suốt năm học. Chúng tôi sẽ đánh giá tiến bộ về các môn Ngữ Văn, Toán Học, Khoa Học và Tiếng Anh thông qua bài khảo thí của tiểu bang. Chúng tôi theo dõi kết quả của Bảng Thông Tin Trường Học California. Ngoài kết quả khảo thí của tiểu bang, chúng tôi còn sử dụng dữ liệu từ các chỉ số địa phương như kết quả kiểm tra iReady và các bài khảo thí học thuật địa phương khác. Để theo dõi mục tiêu về văn hóa và sự tham gia của phụ huynh, chúng tôi dùng nhiều chỉ số như Khảo Sát California Healthy Kids và kết quả khảo sát Franklin Covey Leader In Me. Chúng tôi cũng theo dõi tỷ lệ chuyên cần một cách liên tục. Các chỉ số tiến bộ này được đo lường và theo dõi bởi: lãnh đạo học khu, nhân viên, Hội Đồng Trường Học và Ủy Ban Cố Vấn Học Viên Tiếng Anh (ELAC).

Trường hiện có các học sinh và đội ngũ nhân viên đến từ nhiều nền văn hóa và dân tộc khác nhau. Trong số 599 học sinh theo học, 68% là người Châu Á, 23% là người gốc Tây Ban Nha và 3% là người da trắng. Các học sinh sẽ tham gia nhiều chương trình hỗ trợ học thuật khác nhau. 37% học sinh đang theo học chương trình Phát Triển Ngôn Ngữ Tiếng Anh. Ngoài ra, còn có 29 học sinh theo học chương trình mẫu giáo tại trường chúng tôi. Janson hiện đang vận hành Chương Trình Toàn Trường theo Đề Mục I. 69% học sinh được hưởng chế độ ăn trưa miễn phí hoặc giảm giá.

Để biết thêm thông tin về Trường Tiểu Học Mildred B. Janson, chúng tôi đề nghị quý vị hãy truy cập trang web của trường tại www.rosemead.k12.ca.us/janson và xem các tài khoản mạng xã hội của chúng tôi.

Xin cảm ơn,
Shirley Conde
Hiệu Trường

Thông Điệp từ Giám Đốc Học Khu:

Kính gửi Quý Thành Viên của Cộng Đồng Khu Học Chánh Rosemead,
Tôi rất vui được chia sẻ Phiếu Báo Cáo Trách Nhiệm Giải Trình của Trường Học (School Accountability Report Card, SARC) mới nhất cho các trường trong học khu của chúng ta. Những phiếu báo cáo này là một nguồn tài liệu quan trọng, cung cấp thông tin chi tiết về hiệu suất của từng trường và chất lượng giáo dục mà chúng tôi cung cấp. Được thành lập theo luật tiểu bang vào năm 1988 và được củng cố bởi Đạo Luật Giáo Dục Tiểu Học và Trung Học liên bang (ESEA), SARC được thiết kế để thông báo cho phụ huynh và cộng đồng về những khía cạnh khác nhau trong các trường học của chúng tôi. Trong đó bao gồm nhiều chủ đề, gồm có dữ liệu nhân khẩu học, an toàn trường học, thành tích học tập, quy mô lớp học, trình độ giáo viên, chi tiết chương trình giảng dạy và thông tin tài chính.

Mục đích chính của SARC là cung cấp cho quý vị những thông tin quan trọng về từng trường để quý vị có thể so sánh giữa các trường công lập một cách hữu ích, từ đó đưa ra quyết định sáng suốt về việc giáo dục của con em mình. Ngoài ra, SARC còn là công cụ giúp các trường báo cáo tiến độ đạt được các mục tiêu giáo dục, thúc đẩy tính minh bạch và trách nhiệm giải trình trong hệ thống giáo dục của chúng ta.

Chúng tôi cam kết bảo đảm rằng tất cả phụ huynh và thành viên cộng đồng đều có thể dễ dàng tiếp cận các phiếu báo cáo này. Đến trước ngày 1 Tháng Hai hằng năm, theo luật của tiểu bang, mọi trường học ở California đều phải công bố SARC. Quý vị có thể xem SARC của trường chúng tôi trên trang web “Find a SARC” của Bộ Giáo Dục California. Nếu quý vị muốn có bản sao bằng giấy hoặc yêu cầu báo cáo bằng ngôn ngữ khác ngoài tiếng Anh, vui lòng liên lạc với phòng hành chính của trường và chúng tôi sẽ sẵn lòng đáp ứng yêu cầu của quý vị.

Mô Tả và Tuyên Bố Sứ Mệnh của Trường năm học 2024-25

Chúng tôi khuyến khích quý vị hãy xem xét các báo cáo này và trao đổi với các nhà giáo dục tại trường để thảo luận về bất kỳ thắc mắc hoặc ý kiến đóng góp nào của quý vị. Sự tham gia của quý vị có vai trò quan trọng trong nỗ lực chung của chúng ta nhằm cung cấp nền giáo dục chất lượng cao nhất cho tất cả học sinh. Để biết thêm thông tin về học khu của chúng tôi, bao gồm Phiếu Báo Cáo Trách Nhiệm Giải Trình của Trường Học, xin mời quý vị khám phá trang web của chúng tôi tại <http://www.rosemead.k12.ca.us>.

Xin cảm ơn sự ủng hộ và hợp tác liên tục của quý vị trong cộng đồng giáo dục của chúng ta!

Trân trọng,
Philip D'Agostino, Giáo Dục Đặc Biệt
Giám Đốc Học Khu

Giới thiệu Trường

Tuyển sinh năm 2023-24 theo từng khối lớp

Khối lớp	Số lượng học sinh
Mẫu Giáo	83
Lớp 1	90
Lớp 2	80
Lớp 3	79
Lớp 4	81
Lớp 5	82
Lớp 6	87
Tổng tuyển sinh	582

Tuyển sinh năm 2023-24 theo nhóm học sinh

Nhóm học sinh	Phần trăm tổng tuyển sinh
Nữ	48.5
Nam	51.5
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0.3
Người gốc Á	67.2
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	0.2
Người gốc Philippines	2.1
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	27.7
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	0.5
Người Da Trắng	0.7
Người Học Tiếng Anh	40.9
Học sinh vô gia cư	1.7
Người nhập cư	0.5
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	68.9
Học sinh khuyết tật	7.4

A. Điều kiện học tập

Ưu tiên của Tiểu bang: Cơ bản

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Cơ bản (Ưu tiên 1):

- Mức độ giáo viên được phân công phù hợp và có đầy đủ chứng chỉ trong lĩnh vực môn học và đối tượng học sinh mà họ giảng dạy;
- Học sinh có quyền tiếp cận các tài liệu giảng dạy phù hợp với tiêu chuẩn; và
- Cơ sở vật chất của trường được bảo trì tốt.

Chuẩn Bị và Bố Trí Giáo Viên năm 2020-21

Cho phép/Phân công	Số lượng của trường học	Tỷ lệ phần trăm của trường	Số lượng của khu học chánh	Tỷ lệ phần trăm của khu học chánh	Số lượng của tiểu bang	Tỷ lệ phần trăm của tiểu bang
Được cấp phép đầy đủ (sơ bộ hoặc rõ ràng) cho môn học và xếp lớp của học sinh (được phân công phù hợp)	24.80	96.14	102.70	93.48	228366.10	83.12
Người giữ chứng chỉ thực tập được phân công phù hợp	0.00	0.00	0.90	0.90	4205.90	1.53
Giáo viên không có chứng chỉ và phân công sai (“không hiệu quả” theo ESSA)	0.00	0.00	1.40	1.33	11216.70	4.08
Giáo viên có chứng chỉ được phân công ngoài lĩnh vực (“ngoài lĩnh vực” theo ESSA)	0.00	0.00	0.00	0.00	12115.80	4.41
Không rõ/Không đầy đủ/Không áp dụng	0.90	3.82	4.60	4.27	18854.30	6.86
Tổng số vị trí giảng dạy	25.80	100.00	109.80	100.00	274759.10	100.00

Lưu ý: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái tương đương toàn thời gian (FTE). Một FTE tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể đại diện cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50 phần trăm thời gian toàn thời gian. Ngoài ra, phân công nhiệm vụ được định nghĩa là vị trí mà nhà giáo dục được giao dựa trên bối cảnh, môn học và trình độ lớp học. Cho phép được định nghĩa là các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

Chuẩn Bị và Bố Trí Giáo Viên năm 2021-22

Cho phép/Phân công	Số lượng của trường học	Tỷ lệ phần trăm của trường	Số lượng của khu học chánh	Tỷ lệ phần trăm của khu học chánh	Số lượng của tiểu bang	Tỷ lệ phần trăm của tiểu bang
Được cấp phép đầy đủ (sơ bộ hoặc rõ ràng) cho môn học và xếp lớp của học sinh (được phân công phù hợp)	24.90	100.00	112.00	97.46	234405.20	84.00
Người giữ chứng chỉ thực tập được phân công phù hợp	0.00	0.00	0.00	0.00	4853.00	1.74
Giáo viên không có chứng chỉ và phân công sai (“không hiệu quả” theo ESSA)	0.00	0.00	0.50	0.43	12001.50	4.30
Giáo viên có chứng chỉ được phân công ngoài lĩnh vực (“ngoài lĩnh vực” theo ESSA)	0.00	0.00	0.40	0.37	11953.10	4.28
Không rõ/Không đầy đủ/Không áp dụng	0.00	0.00	1.90	1.73	15831.90	5.67
Tổng số vị trí giảng dạy	24.90	100.00	114.90	100.00	279044.80	100.00

Lưu ý: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái tương đương toàn thời gian (FTE). Một FTE tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể đại diện cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50 phần trăm thời gian toàn thời gian. Ngoài ra, phân công nhiệm vụ được định nghĩa là vị trí mà nhà giáo dục được giao dựa trên bối cảnh, môn học và trình độ lớp học. Cho phép được định nghĩa là các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

Chuẩn Bị và Bố Trí Giáo Viên năm 2022-23

Cho phép/Phân công	Số lượng của trường học	Tỷ lệ phần trăm của trường	Số lượng của khu học chánh	Tỷ lệ phần trăm của khu học chánh	Số lượng của tiểu bang	Tỷ lệ phần trăm của tiểu bang
Được cấp phép đầy đủ (sơ bộ hoặc rõ ràng) cho môn học và xếp lớp của học sinh (được phân công phù hợp)	26.40	100.00	109.30	97.19	231142.40	100.00
Người giữ chứng chỉ thực tập được phân công phù hợp	0.00	0.00	0.00	0.00	5566.40	2.00
Giáo viên không có chứng chỉ và phân công sai (“không hiệu quả” theo ESSA)	0.00	0.00	2.10	1.92	14938.30	5.38
Giáo viên có chứng chỉ được phân công ngoài lĩnh vực (“ngoài lĩnh vực” theo ESSA)	0.00	0.00	0.00	0.00	11746.90	4.23
Không rõ/Không đầy đủ/Không áp dụng	0.00	0.00	0.90	0.88	14303.80	5.15
Tổng số vị trí giảng dạy	26.40	100.00	112.40	100.00	277698	100

Lưu ý: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái tương đương toàn thời gian (FTE). Một FTE tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể đại diện cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50 phần trăm thời gian toàn thời gian. Ngoài ra, phân công nhiệm vụ được định nghĩa là vị trí mà nhà giáo dục được giao dựa trên bối cảnh, môn học và trình độ lớp học. Cho phép được định nghĩa là các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

Giáo viên không có chứng chỉ và phân công sai (được coi là “không hiệu quả” theo ESSA)

Cho phép/Phân công	2020-21	2021-22	2022-23
Giấy phép và Miễn trừ	0.00	0.00	0
Phân công sai	0.00	0.00	0
Vị trí trống	0.00	0.00	0
Tổng số giáo viên không có chứng chỉ và phân công sai	0.00	0.00	0

Giáo viên có chứng chỉ được phân công ngoài lĩnh vực (được coi là “ngoài lĩnh vực” theo ESSA)

Chỉ số	2020-21	2021-22	2022-23
Giáo viên có chứng chỉ được cấp phép hoặc miễn trừ	0.00	0.00	0
Các tùy chọn phân công nội bộ	0.00	0.00	0
Tổng số giáo viên ngoài lĩnh vực	0.00	0.00	0

Phân công lớp học

Chỉ số	2020-21	2021-22	2022-23
Phân công sai cho Người học tiếng Anh (tỷ lệ phần trăm tất cả các lớp học có Người học tiếng Anh được giảng dạy bởi giáo viên được phân công sai)	0.00	0	0
Không có bằng cấp, giấy phép hoặc cho phép giảng dạy (tỷ lệ phần trăm tất cả các lớp học được giảng dạy bởi các giáo viên không có hồ sơ cho phép giảng dạy)	0.00	0	0

Lưu ý: Để biết thêm thông tin, vui lòng tham khảo trang web Định Nghĩa về Công Bằng của Giáo Viên được cập nhật tại địa chỉ <https://www.cde.ca.gov/pd/ee/teacherequitydefinitions.asp>.

Chất lượng, Tính cập nhật, Tính sẵn có của Sách giáo khoa và các tài liệu giảng dạy khác năm 2024-25

Khu Học Chánh Rosemead luôn đặc biệt ưu tiên cung cấp sách giáo khoa và tài liệu chất lượng cao để hỗ trợ các chương trình giảng dạy. Khu Học Chánh Rosemead đã tổ chức một buổi điều trần công khai và xác định rằng sách giáo khoa, tài liệu giảng dạy và thiết bị phòng thí nghiệm khoa học đều đầy đủ và có chất lượng tốt tại mỗi trường trong học khu, chiếu theo thỏa thuận dàn xếp trong vụ Williams kiện Tiểu Bang California. Tất cả học sinh, bao gồm cả học viên tiếng Anh, đều được cung cấp sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy riêng theo tiêu chuẩn cho các môn học chính để sử dụng trên lớp cũng như ở nhà. Tất cả sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy đều tuân thủ Tiêu Chuẩn và Khung Nội Dung của Tiểu Bang California và đã được Hội Đồng Quản Trị phê duyệt. Khu Học Chánh Rosemead tuân theo Chu Kỳ Áp Dụng Tài Liệu Giảng Dạy của Tiểu Bang, trong đó rà soát các tài liệu giảng dạy trong từng lĩnh vực giảng dạy theo chu kỳ sáu năm. Biểu đồ bên dưới minh họa các loại sách giáo khoa hiện đang được sử dụng tại trường. Tất cả sách giáo khoa đều được cung cấp đầy đủ và ở tình trạng từ khá đến xuất sắc. 100% học sinh ở mỗi môn học chính đều có đầy đủ sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy cần thiết. Các tài liệu bổ sung được sử dụng để hỗ trợ học sinh gồm có iReady, Simple Solutions, RAZ-KIDZ, Imagine Learning và Mystery Science.

Thư viện của trường có nhiều đầu sách để học sinh mượn về, bao gồm sách và tài liệu bằng tiếng Tây Ban Nha. Học sinh sẽ đến thư viện hàng tuần cùng với lớp học của mình. Trường cũng có một thư viện sách toàn diện được phân loại để hướng dẫn đọc và Phát Triển Ngôn Ngữ Tiếng Anh. Hệ thống máy tính trong trường được kết nối internet tốc độ cao để học sinh có thể truy cập các nguồn tư liệu và thông tin trực tuyến cũng như phát triển các kỹ năng nghiên cứu của mình. Nhà trường đang nỗ lực tích hợp các kỹ năng và khái niệm về máy tính vào chương trình giảng dạy. Học sinh từ lớp mẫu giáo đến lớp sáu đều được giảng dạy có máy tính trợ giúp hằng tuần tại phòng máy tính hiện đại. Mỗi lớp học đều được trang bị máy tính Chromebook theo tỷ lệ 1-1. Mỗi lớp học cũng có iPad và máy tính để bàn iMac. Các chương trình phần mềm, bao gồm Accelerated Reader, Imagine Learning Language and Literacy và i-Ready, sẽ giúp học sinh phát triển các kỹ năng đọc, viết, toán học và đánh máy.

Năm và tháng dữ liệu được thu thập		Tháng Mười, 2024	
Môn học	Sách giáo khoa và các tài liệu giảng dạy khác/năm áp dụng	Từ lần áp dụng gần đây nhất?	Phần trăm học sinh không có bản sao được giao riêng
Độc/Ngữ văn	McGraw Hill Education, California Wonders 2017 (Lớp K-6) Wonders ELD (Lớp K-6) Được phê chuẩn năm 2017	Có	0%
Toán	Houghton Mifflin Harcourt: Go Math K-5 và Go Math 6-8 Được phê chuẩn năm 2015 iReady Common Core Math (bổ sung)	Có	0%
Khoa Học	TCI Bring Science Alive! (Lớp K-6) Được phê chuẩn năm 2021	Có	0%
Lịch sử-Khoa học xã hội	TCI History Alive! (Lớp K-8) Được phê chuẩn năm 2023	Có	0%
Thiết bị phòng thí nghiệm khoa học (lớp 9-12)	Không áp dụng	Không áp dụng	

Lưu ý: Các ô có giá trị Không áp dụng không yêu cầu dữ liệu.

Điều kiện cơ sở vật chất của trường và những cải tiến theo kế hoạch

Được xây dựng vào năm 1948, với các bổ sung được thực hiện vào năm 1954 và 1997, cơ sở vật chất của Trường Janson trải dài trên diện tích 58,964 foot vuông. Trong đó bao gồm các phòng học cố định, phòng học di động, một phòng đa năng, các phòng hành chính và phòng vệ sinh. Gần đây, nhà trường đã nâng cấp hệ thống điện thoại/liên lạc nội bộ, cho phép lắp đặt điện thoại và thư thoại trong tất cả các lớp học. Dự án hiện đại hóa tất cả phòng học mẫu giáo, nhà vệ sinh cho học sinh và đài phun nước đã hoàn thành vào Tháng Chín, 2006. Dự án hiện đại hóa tòa nhà hành chính và là giai đoạn thứ hai trong ba giai đoạn nâng cấp lớn các hạng mục điện đã hoàn thành vào Tháng Chín, 2007. Dự án xây dựng thương hiệu nhằm cải thiện ngoại thất và hành lang của trường đã hoàn thành vào mùa hè năm 2010. Tất cả các cửa lớp học đều được sơn và đánh số hiện đại để mang lại cho tất cả các cửa lớp học vẻ ngoài hiện đại hơn. Biểu ngữ, biển báo đường phố và biển báo hành lang được lắp đặt khắp hành lang cùng với logo mới của trường. Trong năm 2019, Janson đã thay thế các thiết bị Sưởi Ấm, Thông Gió và Điều Hòa Không Khí (HVAC) cũ bằng các model mới tiết kiệm năng lượng theo Dự Luật 39 (Đạo Luật Việc Làm Năng Lượng Sạch). Các dự án thay thế và sửa chữa mái nhà cho 12 phòng học di động đã được thực hiện trong năm học 2019-20. Vào Tháng Mười Một, 2021, cơ sở này đã được nâng cấp hệ thống báo cháy.

Điều kiện cơ sở vật chất của trường và những cải tiến theo kế hoạch

Bảo Trì và Sửa Chữa
Các quan ngại về an toàn là ưu tiên hàng đầu của bộ phận Bảo Trì và Vận Hành. Các giám sát viên bảo trì của học khu luôn chủ động và thường xuyên tiến hành kiểm tra tại các trường học. Các sửa chữa cần thiết nhằm bảo đảm trường học luôn trong tình trạng tốt và hoạt động bình thường sẽ được hoàn tất kịp thời. Quy trình lệnh công việc dựa trên máy tính được sử dụng để bảo đảm dịch vụ hiệu quả và công tác sửa chữa khẩn cấp sẽ được ưu tiên cao nhất. Đội ngũ bảo trì của học khu đã cho biết rằng 100% số nhà vệ sinh trong khuôn viên trường đều hoạt động bình thường.

Quy Trình và Lịch Biểu Vệ Sinh
Hội đồng quản lý học khu đã áp dụng các tiêu chuẩn vệ sinh cho tất cả các trường học trong học khu. Bản tóm tắt các tiêu chuẩn này có sẵn tại văn phòng nhà trường hoặc văn phòng học khu. Đội ngũ quản lý nhà trường sẽ làm việc hằng ngày với nhân viên tạp vụ để xây dựng lịch biểu vệ sinh nhằm bảo đảm trường học luôn sạch sẽ và an toàn. Các quy trình vệ sinh đã được cập nhật bao gồm việc vệ sinh thường xuyên hơn các khu vực chung (ví dụ như nhà vệ sinh) và phun thuốc khử trùng toàn bộ khu vực.

Dự Án Bảo Trì Bị Hoãn
Các khoản ngân quỹ dành cho Bảo Trì Bị Hoãn có sẵn sẽ được dùng kết hợp với các quỹ cơ sở vật chất trường học khác để hoàn thành việc sửa chữa hoặc thay thế khi cần. Nhu cầu bảo trì bị hoãn của học khu sẽ được xem xét và cập nhật thường niên.

Biểu đồ sau đây thể hiện đợt kiểm tra cơ sở vật chất gần đây nhất.

Năm và tháng lập báo cáo FIT gần đây nhất				Tháng Mười Một, 2024
Hệ thống đã được kiểm tra	Đánh giá Tốt	Đánh giá Trung bình	Đánh giá Kém	Cần sửa chữa và hành động đã thực hiện hoặc đã lên kế hoạch
Hệ thống: Rò rỉ khí gas, Cơ khí/HVAC, Cống rãnh	X			Đánh giá hệ thống đạt 99.33% A/C trong phòng máy chủ không hoạt động
Nội thất: Bề mặt nội thất	X			Đánh giá nội thất đạt 90% Gạch trần bị ố màu; Tường sau bồn rửa sàn cần sửa chữa Phòng điện - có lỗ trên tường và trần nhà. Các tấm lát tường cần phải được dán keo lại.
Độ sạch sẽ: Độ sạch sẽ chung, Sự xâm nhập của sâu bọ	X			Đánh giá độ sạch sẽ đạt 95%. Phòng A-15 rất bẩn. Nhà vệ sinh dùng làm nơi chứa đồ - rất bừa bộn.
Điện	X			Đánh giá hệ thống điện đạt 96%. Máy sấy tay không hoạt động. Đèn không hoạt động. Cần có nắp công tắc đèn.
Nhà vệ sinh/Bồn rửa: Nhà vệ sinh, bồn rửa	X			Đánh giá nhà vệ sinh/vòi phun nước đạt 92%. Vòi nước uống không hoạt động. Tường nhà vệ sinh bị bong tróc.
An toàn: An toàn cháy nổ, Vật liệu nguy hại	X			Đánh giá an toàn đạt 100%
Kết cấu: Hư hỏng về kết cấu, Mái nhà	X			Đánh giá kết cấu đạt 100%
Ngoại thất: Sân chơi/Sân trường, Cửa sổ/Cửa ra vào/Cống/Hàng rào	X			Đánh giá phần ngoại thất đạt 92% Cửa sổ cần được thay thế; Có vết nứt lớn ở bãi đậu xe phía nam; Vết nứt nhựa đường; bê-tông trên sân khấu bị sụt lún; Cửa sổ bị ăn mòn. Cửa bị cạ xuống sàn.

Đánh giá chung về cơ sở vật chất			
Mẫu mực	Tốt	Trung bình	Kém
	X		

B. Kết quả học tập của học sinh

Ưu tiên của Tiểu bang: Thành tích học sinh

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Thành tích của học sinh (Ưu tiên 4):

Bài Đánh Giá Toàn Tiểu Bang

(cụ thể là Hệ Thống Bài Đánh Giá Thành Tích và Tiến Bộ của Học Sinh California [CAASPP] bao gồm Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced dành cho học sinh trong nhóm giáo dục phổ thông và Bài Đánh Giá Thay Thế California [CAA] dành cho môn ngữ văn Anh/đọc viết [ELA] và toán được tổ chức cho học sinh từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một. Chỉ những học sinh đủ điều kiện mới có thể tham gia bài đánh giá CAA. Các mục kiểm tra trong bài đánh giá CAA được liên kết với các tiêu chuẩn thành tích thay thế, có liên quan đến Tiêu Chuẩn Cốt Lõi Chung của Tiểu Bang [CCSS] dành cho học sinh có khuyết tật nhận thức nghiêm trọng nhất).

Hệ thống CAASPP bao gồm các bài đánh giá và yêu cầu tham gia của học sinh như sau:

- 1. Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced và CAA cho môn ELA từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một.
- 2. Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced và CAA cho môn Toán từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một.
- 3. Bài Kiểm Tra Khoa Học California (CAST) và CAA về Khoa học ở lớp năm, lớp tám và một lần ở bậc trung học (tức là lớp mười, lớp mười một hoặc lớp mười hai).

Mức độ sẵn sàng vào Đại học và Đi làm

Tỷ lệ học sinh đã hoàn thành các khóa học đáp ứng được các yêu cầu tuyển sinh vào Đại Học California và Đại Học Tiểu Bang California, hoặc các chương trình hoặc trình tự giáo dục kỹ thuật nghề nghiệp.

Tỷ lệ học sinh đạt hoặc vượt tiêu chuẩn của tiểu bang trong CAASPP

Bảng này hiển thị kết quả bài kiểm tra CAASPP về môn ELA và Toán cho tất cả học sinh từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang tổ chức.

Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Kết quả kiểm tra ELA và Toán bao gồm Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced và CAA. “Tỷ lệ đạt hoặc vượt chuẩn” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đạt hoặc vượt chuẩn trong Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced cộng với tổng số học sinh đạt chuẩn (tức là đạt Cấp độ 3 - Thay thế) trong CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai bài đánh giá.

Môn học	Trường học 2022-23	Trường học 2023-24	Khu học chánh 2022-23	Khu học chánh 2023-24	Tiểu bang 2022-23	Tiểu bang 2023-24
Ngữ văn Anh/Đọc viết (lớp 3-8 và 11)	66	66	57	60	46	47
Toán (lớp 3-8 và 11)	60	60	50	52	34	35

Kết quả khảo thí CAASPP năm 2023-24 môn ELA theo nhóm học sinh

Bảng này hiển thị kết quả bài kiểm tra CAASPP về môn ELA theo nhóm học sinh cho tất cả học sinh từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang tổ chức.

Kết quả kiểm tra ELA bao gồm Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced và CAA. “Tỷ lệ đạt hoặc vượt chuẩn” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đạt hoặc vượt chuẩn trong Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced cộng với tổng số học sinh đạt chuẩn (tức là đạt Cấp độ 3 - Thay thế) trong CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai bài đánh giá.

Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Lưu ý: Số lượng học sinh được khảo thí bao gồm tất cả học sinh tham gia khảo thí bất kể có nhận được điểm hay không; tuy nhiên, số lượng học sinh được khảo thí không phải là con số được sử dụng để tính phần trăm mức thành tích. Mức thành tích chỉ được tính cho những học sinh nhận được điểm.

(CAASPP) Nhóm học sinh	(CAASPP) Tổng TUYỂN SINH	(CAASPP) Số được khảo thí	(CAASPP) Phần trăm được khảo thí	(CAASPP) Phần trăm không được khảo thí	(CAASPP) Phần trăm đạt hoặc vượt chuẩn
Tất cả học sinh	337	329	97.63	2.37	65.65
Nữ	160	159	99.38	0.62	74.84
Nam	177	170	96.05	3.95	57.06
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	--	--	--	--	--
Người gốc Á	217	209	96.31	3.69	75.60
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	0	0	0	0	0
Người gốc Philippines	--	--	--	--	--
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	98	98	100.00	0.00	42.86
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương	0	0	0	0	0
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	--	--	--	--	--
Người Da Trắng	--	--	--	--	--
Người Học Tiếng Anh	78	70	89.74	10.26	37.14
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi dưỡng	0	0	0	0	0
Học sinh vô gia cư	0	0	0	0	0
Quân đội	0	0	0	0	0
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	174	169	97.13	2.87	56.21
Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư	0	0	0	0	0
Học sinh khuyết tật	30	30	100.00	0.00	6.67

Kết quả khảo thí CAASPP năm 2023-24 môn Toán theo nhóm học sinh

Bảng này hiển thị kết quả bài kiểm tra CAASPP về môn Toán theo nhóm học sinh cho tất cả học sinh từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang tổ chức.

Kết quả kiểm tra môn Toán bao gồm Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced và CAA. “Tỷ lệ đạt hoặc vượt chuẩn” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đạt hoặc vượt chuẩn trong Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced cộng với tổng số học sinh đạt chuẩn (tức là đạt Cấp độ 3 - Thay thế) trong CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai bài đánh giá.

Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Lưu ý: Số lượng học sinh được khảo thí bao gồm tất cả học sinh tham gia khảo thí bất kể có nhận được điểm hay không; tuy nhiên, số lượng học sinh được khảo thí không phải là con số được sử dụng để tính phần trăm mức thành tích. Mức thành tích chỉ được tính cho những học sinh nhận được điểm.

(CAASPP) Nhóm học sinh	(CAASPP) Tổng TUYỂN SINH	(CAASPP) Số được khảo thí	(CAASPP) Phần trăm được khảo thí	(CAASPP) Phần trăm không được khảo thí	(CAASPP) Phần trăm đạt hoặc vượt chuẩn
Tất cả học sinh	338	337	99.70	0.30	59.94
Nữ	160	160	100.00	0.00	64.38
Nam	178	177	99.44	0.56	55.93
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	--	--	--	--	--
Người gốc Á	218	217	99.54	0.46	70.51
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	0	0	0	0	0
Người gốc Philippines	--	--	--	--	--
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	98	98	100.00	0.00	34.69
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương	0	0	0	0	0
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	--	--	--	--	--
Người Da Trắng	--	--	--	--	--
Người Học Tiếng Anh	78	78	100.00	0.00	33.33
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi dưỡng	0	0	0	0	0
Học sinh vô gia cư	0	0	0	0	0
Quân đội	0	0	0	0	0
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	175	174	99.43	0.57	49.43
Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư	0	0	0	0	0
Học sinh khuyết tật	31	30	96.77	3.23	0.00

Kết quả khảo thí CAASPP môn Khoa học dành cho tất cả học sinh						
Bảng này hiển thị tỷ lệ phần trăm tất cả học sinh lớp năm, lớp tám và trung học đạt hoặc vượt Tiêu chuẩn của Tiểu bang.						
Kết quả kiểm tra môn Khoa học bao gồm CAST và CAA môn Khoa học. “Tỷ lệ đạt hoặc vượt chuẩn” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đạt hoặc vượt chuẩn trong CAST cộng với tổng số học sinh đạt chuẩn (tức là đạt Cấp độ 3 - Thay thế) trong CAA cho môn Khoa học chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai bài đánh giá môn khoa học.						
Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.						
Số lượng học sinh được khảo thí bao gồm tất cả học sinh tham gia khảo thí bất kể có nhận được điểm hay không; tuy nhiên, số lượng học sinh được khảo thí không phải là con số được sử dụng để tính phần trăm mức thành tích. Mức thành tích chỉ được tính cho những học sinh nhận được điểm.						
Môn học	Trường học 2022-23	Trường học 2023-24	Khu học chánh	Khu học chánh	Tiểu bang 2022-23	Tiểu bang 2023-24

			2022-23	2023-24		
Khoa Học (lớp 5, 8 và trung học)	56.32	47.67	40.11	44.36	30.29	30.73

Kết quả khảo thí CAASPP năm 2023-24 môn Khoa học theo nhóm học sinh

Bảng này hiển thị kết quả bài kiểm tra CAASPP môn Khoa học theo nhóm học sinh lớp năm, lớp tám và Trung Học. Dấu gạch ngang kép (--) xuất hiện trong bảng khi số lượng học sinh từ mười trở xuống, có thể là do số lượng học sinh trong danh mục này quá ít để đảm bảo độ chính xác về mặt thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Nhóm học sinh	Tổng TUYỂN SINH	Số được khảo thí	Phần trăm được khảo thí	Phần trăm không được khảo thí	Phần trăm đạt hoặc vượt chuẩn
Tất cả học sinh	86	86	100.00	0.00	47.67
Nữ	36	36	100.00	0.00	58.33
Nam	50	50	100.00	0.00	40.00
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0	0	0	0	0
Người gốc Á	60	60	100.00	0.00	51.67
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	0	0	0	0	0
Người gốc Philippines	--	--	--	--	--
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	19	19	100.00	0.00	21.05
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương	0	0	0	0	0
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	--	--	--	--	--
Người Da Trắng	0	0	0	0	0
Người Học Tiếng Anh	21	21	100.00	0.00	4.76
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi dưỡng	0	0	0	0	0
Học sinh vô gia cư	0	0	0	0	0
Quân đội	0	0	0	0	0
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	42	42	100.00	0.00	30.95
Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư	0	0	0	0	0
Học sinh khuyết tật	--	--	--	--	--

B. Kết quả học tập của học sinh

Ưu tiên của Tiểu bang: Kết quả khác của học sinh

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Các kết quả khác của học sinh (Ưu tiên 8): Kết quả học tập của học sinh trong môn giáo dục thể chất.

Kết Quả Bài Kiểm Tra Thử Lực California 2023-24

Bảng này hiển thị tỷ lệ phần trăm tất cả học sinh lớp năm, lớp tám và trung học đạt hoặc vượt Tiêu chuẩn của Tiểu bang. Việc tổ chức khảo thí PFT chỉ yêu cầu kết quả tham gia của năm lĩnh vực thể lực này. Phần trăm không được tính toán và dấu gạch ngang kép (--) xuất hiện trong

bảng khi số lượng học sinh được khảo thí từ mười trở xuống, có thể là do số lượng học sinh trong danh mục này quá ít để đảm bảo độ chính xác về mặt thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Khối lớp	Thành phần 1: Khả năng hiểu biết	Thành phần 2: Sức bền và Sức mạnh cơ bụng	Thành phần 3: Đuối thân, Sức mạnh và Độ dẻo dai	Thành phần 4: Sức mạnh và Sức bền của thân trên	Thành phần 5: Độ linh hoạt
Lớp 5	97.67	98.84	98.84	98.84	98.84

C. Mức độ gắn kết

Ưu tiên của Tiểu bang: Sự tham gia của phụ huynh

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Sự tham gia của phụ huynh (Ưu tiên 3) Những nỗ lực của khu học chánh nhằm tìm kiếm ý kiến đóng góp của phụ huynh trong việc đưa ra quyết định liên quan đến khu học chánh và tại mỗi cơ sở trường học.

Cơ hội tham gia của phụ huynh năm 2024-25

Phụ huynh và cộng đồng rất ủng hộ và tham gia vào chương trình giáo dục tại Trường Janson.

Tất cả phụ huynh đều có thể tham gia Hội Đồng Trường Học (SSC) và Ủy Ban Cố Vấn Học Viên Tiếng Anh (ELAC). Cả SSC và ELAC đều là các nhóm chính thức với người tham gia được bầu ra, giúp đưa ra quyết định của trường và theo dõi tiến triển đạt được mục tiêu. Tất cả phụ huynh đều được chào đón tham gia.

Bộ phận liên lạc cộng đồng của trường bảo đảm rằng thông tin được cung cấp cho phụ huynh bằng các ngôn ngữ chính dùng tại nhà gồm tiếng Anh, tiếng Quảng Đông, tiếng Quan Thoại, tiếng Tây Ban Nha và tiếng Việt.

Hội Phụ Huynh Giáo Viên đã đóng góp rất nhiều thời gian và tiền bạc cho nhiều chương trình và hoạt động.

Cha mẹ được khuyến khích tham gia vào việc giáo dục con em mình. Phụ huynh có thể tham dự các sự kiện toàn trường được tổ chức trong suốt năm học, ví dụ như: Hội Nghị Phụ Huynh, Ngày Hội Trường, Biểu Diễn Mùa Đông, Ngày Nhà Sáng Lập và lễ đón mừng lên lớp. Phụ huynh sẽ được cập nhật thông tin về các hoạt động của trường thông qua các nền tảng liên lạc. Janson sẽ gửi bản tin hàng tháng và liên tục cập nhật thông tin qua Class Dojo. Trường Janson cũng cập nhật và cung cấp thông tin trên trang web của trường, Đêm Tự do Trường và Ngày Hội Trường. Phụ huynh được khuyến khích tham dự buổi trò chuyện Cà Phê với Hiệu Trưởng, thảo luận về nhiều chủ đề như: các sự kiện hiện có, ngân sách, chương trình của trường, quy trình an toàn, PBIS, chuyên cần và hỗ trợ học tập cho tất cả học sinh.

Chương trình Leader in Me cũng cung cấp chương trình giảng dạy để tổ chức Đêm Cha Mẹ của chương trình Leader In Me dành cho tất cả phụ huynh của Janson. Trong sự kiện này, phụ huynh sẽ được hướng dẫn về 8 Thói Quen cũng như hiểu rõ hơn về văn hóa và tầm nhìn của trường. Trường Janson sử dụng cả nền tảng họp trực tiếp và trực tuyến, ví dụ như Zoom để hỗ trợ các cuộc họp và sự kiện dành cho phụ huynh.

Các chương trình của Trường Janson đã được cải thiện đáng kể nhờ sự đóng góp từ các tổ chức sau: Wells Fargo Bank, East/West Bank, Target, In n Out, TGIF, Hilton DoubleTree Hotel và Panda Corporation.

Vui lòng liên lạc với Hiệu Trưởng Shirley Conde theo số (626) 288-3150 để biết thông tin và giải đáp mọi thắc mắc.

Vắng mặt thường xuyên năm 2023-24 theo nhóm học sinh				
Nhóm học sinh	Số học sinh ghi danh cộng dồn	Số học sinh ghi danh đủ điều kiện về vắng mặt thường xuyên	Số lượng vắng mặt thường xuyên	Tỷ lệ vắng mặt thường xuyên
Tất cả học sinh	610	605	7	1.2
Nữ	292	290	2	0.7
Nam	318	315	5	1.6
Phi nhị giới	--	--	--	--
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	--	--	--	--

Người gốc Á	405	403	2	0.5
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	--	--	--	--
Người gốc Philippines	12	12	0	0.0
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	173	171	4	2.3
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương	--	--	--	--
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	--	--	--	--
Người Da Trắng	--	--	--	--
Người Học Tiếng Anh	252	251	0	0.0
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi dưỡng	--	--	--	--
Học sinh vô gia cư	--	--	--	--
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	421	418	5	1.2
Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư	--	--	--	--
Học sinh khuyết tật	53	52	1	1.9

Lưu ý: Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

C. Mức độ gắn kết

Ưu tiên của Tiểu bang: Môi Trường Học Đường

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Môi trường học đường (Ưu tiên 6)

- Tỷ lệ học sinh bị đình chỉ học tập;
- Tỷ lệ học sinh bị đuổi học; và
- Các thước đo địa phương khác về cảm giác an toàn

Tỷ lệ đình chỉ và đuổi học									
Bảng này hiển thị dữ liệu đình chỉ và đuổi học.									
Đánh giá	Trường học 2021-22	Trường học 2022-23	Trường học 2023-24	Khu học chánh 2021-22	Khu học chánh 2022-23	Khu học chánh 2023-24	Tiểu bang 2021-22	Tiểu bang 2022-23	Tiểu bang 2023-24
Đình chỉ	0.18	0	0.49	1.08	1.76	1.11	3.17	3.6	3.28
Đuổi học	0	0	0	0	0	0.12	0.07	0.08	0.07

Tỷ lệ đình chỉ và đuổi học theo nhóm học sinh năm 2023-24

Nhóm học sinh	Tỷ lệ đình chỉ	Tỷ lệ đuổi học
Tất cả học sinh	0.49	0.00
Nữ	0.68	0.00
Nam	0.31	0.00
Phi nhị giới	0.00	0.00
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0.00	0.00
Người gốc Á	0.49	0.00
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	0.00	0.00
Người gốc Philippines	0.00	0.00
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	0.58	0.00
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương	0.00	0.00
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	0.00	0.00
Người Da Trắng	0.00	0.00
Người Học Tiếng Anh	0.40	0.00
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi dưỡng	0.00	0.00
Học sinh vô gia cư	0.00	0.00
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	0.48	0.00
Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư	0.00	0.00
Học sinh khuyết tật	0.00	0.00

Lưu ý: Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Kế Hoạch An Toàn Trường Học 2024-25

Trường Janson là trường học có khuôn viên khép kín. Trong giờ học, tất cả các lối vào đều được kiểm soát an ninh để đảm bảo khách thăm phải đăng ký tại văn phòng lễ tân. Tất cả khách thăm phải đăng ký và đeo thẻ khách thăm trong suốt thời gian ở lại trường. Mặc dù nhà trường hoan nghênh phụ huynh và thành viên cộng đồng đến thăm, bất kỳ ai muốn đến trường trong giờ học đều cần thông báo trước cho nhân viên. Trong giờ ăn trưa, giờ giải lao, trước và sau giờ học, giám thị và giáo viên sẽ giám sát học sinh và theo dõi khuôn viên trường, bao gồm cả căng-tin và sân chơi, để bảo đảm môi trường an toàn và trật tự.

Học khu đã xây dựng Kế Hoạch An Toàn Trường Học Toàn Diện để tuân thủ Dự Luật 187 của Thượng Viện năm 1997. Kế hoạch này cung cấp cho học sinh và nhân viên các phương tiện bảo đảm môi trường học tập an toàn và trật tự. Kế hoạch an toàn trường học này bao gồm các yêu cầu sau đây theo SB 187:

- Tình hình tội phạm học đường hiện tại
- Các quy trình báo cáo lạm dụng trẻ em
- Các quy trình về thảm họa, thường lệ và khẩn cấp
- Các chính sách liên quan đến việc đình chỉ và đuổi học
- Thông báo cho giáo viên
- Chính sách quấy rối tình dục
- Quy định về trang phục toàn trường
- Ra vào an toàn của học sinh, phụ huynh và nhân viên nhà trường
- Môi trường học tập an toàn và trật tự
- Các nội quy và quy trình của trường

Kế Hoạch An Toàn Trường Học 2024-25

Nhà trường sẽ đánh giá kế hoạch này hàng năm và cập nhật khi cần thiết. Kế hoạch này đã được cập nhật và xem xét lần cuối với đội ngũ nhân viên nhà trường vào Tháng Mười, 2024. Các quy trình an toàn, bao gồm các nội dung trong Kế Hoạch Trường Học An Toàn, sẽ được xem xét cùng với nhân viên nhà trường và học khu trong suốt năm học trong nhiều dịp đào tạo an toàn và diễn tập khẩn cấp. Kế hoạch an toàn này đã được phê duyệt tại cuộc họp SSC vào ngày 20 Tháng Chín, 2024.

D. Thông tin SARC khác	Thông tin bắt buộc trong SARC
	Thông tin trong phần này phải có trong SARC nhưng không được đưa vào danh sách ưu tiên của tiểu bang cho LCFF.

Quy mô lớp học trung bình cho bậc tiểu học và Phân bố quy mô lớp học năm 2021-22

Bảng này hiển thị quy mô lớp học trung bình và phân bố quy mô lớp học năm 2021-22. Các cột có tiêu đề “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp học theo từng loại quy mô (phạm vi tổng số học sinh trên mỗi lớp). Thẻ loại “Khác” dành cho các lớp có nhiều trình độ.

Khối lớp	Trung bình Quy mô lớp học	Số lượng lớp học với 1-20 học sinh	Số lượng lớp học với 21-32 học sinh	Số lượng lớp học với 33 học sinh
K	20		4	
1	23		3	
2	22		4	
3	23		3	
4	24		3	
5	25		3	
6	25		3	
Khác	8	1		

Quy mô lớp học trung bình cho bậc tiểu học và Phân bố quy mô lớp học năm 2022-23

Bảng này hiển thị quy mô lớp học trung bình và phân bố quy mô lớp học năm 2021-22. Các cột có tiêu đề “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp học theo từng loại quy mô (phạm vi tổng số học sinh trên mỗi lớp). Thẻ loại “Khác” dành cho các lớp có nhiều trình độ.

Khối lớp	Quy mô lớp học trung bình	Số lượng lớp học với 1-20 học sinh	Số lượng lớp học với 21-32 học sinh	Số lượng lớp học với 33 học sinh
K	21		5	
1	20		4	
2	26		3	
3	21		4	
4	25		3	
5	28		3	
6	27		3	
Khác	8			

Quy mô lớp học trung bình cho bậc tiểu học và Phân bố quy mô lớp học năm 2023-24

Bảng này hiển thị quy mô lớp học trung bình và phân bổ quy mô lớp học năm 2023-24. Các cột có tiêu đề “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp học theo từng loại quy mô (phạm vi tổng số học sinh trên mỗi lớp). Thê loại “Khác” dành cho các lớp có nhiều trình độ.

Khối lớp	Trung bình Quy mô lớp học	Số lượng lớp học với 1-20 học sinh	Số lượng lớp học với 21-32 học sinh	Số lượng lớp học với 33 học sinh
K	15	4		
1	23		4	
2	20	1	3	
3	20	3	1	
4	27		3	
5	28		3	
6	28		3	
Khác	10	1		

Tỷ lệ Học sinh so với Cố vấn học tập năm 2023-24

Bảng này hiển thị tỷ lệ học sinh so với Cố vấn học thuật. Một Tương đương toàn thời gian (FTE) tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể đại diện cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50 phần trăm thời gian toàn thời gian.

Chức danh	Tỷ lệ
Học sinh so với Cố vấn học tập	0

Nhân viên Dịch Vụ Hỗ Trợ Học Sinh năm 2023-24

Bảng này hiển thị số lượng nhân viên hỗ trợ FTE được phân công cho trường này. Một Tương đương toàn thời gian (FTE) tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể đại diện cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50 phần trăm thời gian toàn thời gian. Danh mục “Khác” dành cho tất cả các vị trí nhân viên dịch vụ hỗ trợ học sinh khác không được liệt kê.

Chức danh	Số lượng FTE được phân công cho trường
Cố vấn (Phát triển học thuật, xã hội/hành vi hoặc nghề nghiệp)	
Giáo viên truyền thông thư viện (Thủ thư)	
Nhân viên dịch vụ truyền thông thư viện (Hỗ trợ)	
Chuyên gia tâm lý	
Nhân viên xã hội	
Y tá	
Chuyên gia về âm ngữ/ngôn ngữ/thính giác	
Chuyên gia nguồn lực (không giảng dạy)	
Khác	2

Chi tiêu cho mỗi học sinh và lương giáo viên tại trường trong năm tài chính 2022-23

Bảng này hiển thị chi phí cho mỗi học sinh và mức lương giáo viên trung bình của trường này trong năm 2022-23. Các ô có giá trị Không áp dụng không yêu cầu dữ liệu.

Cấp độ	Tổng Chi tiêu Mỗi học sinh	Chi tiêu Mỗi học sinh (Hạn chế)	Chi tiêu Mỗi học sinh (Không hạn chế)	Lương giáo viên trung bình
Trường	\$8,827	\$2,297	\$6,530	\$96,559
Khu học chánh	Không áp dụng	Không áp dụng	\$10,453	
Phần trăm chênh lệch - Nhà trường và Khu học chánh	Không áp dụng	Không áp dụng	-46.2	2.5
Tiểu bang	Không áp dụng	Không áp dụng	\$10,771	\$94,129
Phần trăm chênh lệch - Nhà trường và Tiểu bang	Không áp dụng	Không áp dụng	-49.0	2.5

Các loại dịch vụ được cấp kinh phí trong năm tài chính 2023-24

Khu Học Chánh Rosemead nhận được tài trợ từ tiểu bang và liên bang cho các chương trình giáo dục đặc biệt và các chương trình hỗ trợ khác theo danh mục sau:

- Đề Mục I
- Đề Mục II
- Đề Mục III
- Đề Mục IV
- Danh Mục Kinh Phí Tự Chủ của Địa Phương (Local Control Funding Formula, LCFF)
- Chương Trình Cơ Hội Học Tập Mở Rộng (Expanded Learning Opportunities Program, ELOP)
- Giáo dục đặc biệt
- Đưa đón từ nhà đến trường (dành cho Giáo Dục Đặc Biệt)
- Tài liệu giảng dạy
- Trợ lý giảng dạy
- Chương trình sau giờ học
- Trường học hè
- Chương Trình Bồi Dưỡng
- Chương trình can thiệp và nhân sự
- Phần mềm giáo dục
- Công nghệ bổ sung

Lương giáo viên và ban giám hiệu trong năm tài chính 2022-23

Bảng này hiển thị mức lương của Giáo viên và Ban giám hiệu trong năm 2022-23. Để biết thông tin chi tiết về mức lương, vui lòng tham khảo trang web Lương và Phúc lợi Chứng nhận CDE tại địa chỉ <http://www.cde.ca.gov/ds/fd/cs/>.

Danh mục	Số tiền của Khu học chánh	Trung bình của tiểu bang cho các Khu học chánh trong cùng một Danh mục
Lương giáo viên mới	\$59,171.00	\$57,839
Lương giáo viên có thâm niên trung bình	\$83,680.00	\$90,040
Mức lương giáo viên cao nhất	\$110,209.00	\$118,647
Mức lương hiệu trưởng trung bình (Tiểu học)	\$132,207.00	\$144,639
Mức lương hiệu trưởng trung bình (Sơ trung)	\$138,165.00	\$148,270
Mức lương hiệu trưởng trung bình (Trung học)	NA	\$161,275
Lương giám đốc	\$244,657	\$229,986
Phần trăm ngân sách dành cho Lương giáo viên	32%	31%
Phần trăm ngân sách dành cho lương của Ban giám hiệu	6%	6%

Phát triển Chuyên môn

Khu Học Chánh:

Giáo viên, ban giám hiệu và các nhân viên khác tại Rosemead tham gia vào quá trình cải tiến liên tục thông qua nhiều hình thức phát triển chuyên môn khác nhau. Sau khi xem xét dữ liệu tổng kết và quá trình hình thành, bao gồm điểm số kiểm tra, khảo sát học sinh, phụ huynh và nhân viên, và kết quả liên quan đến văn hóa học đường và học tập về xã hội - cảm xúc, các nhà lãnh đạo học khu và nhà trường cùng với các nhóm giáo viên chủ nhiệm sẽ xác định các lĩnh vực trọng tâm trên toàn học khu để phát triển chuyên môn cho giáo viên và quản trị viên. Năm nay, các lĩnh vực trọng tâm về Phát Triển Chuyên Môn (PD) toàn học khu bao gồm:

- Hệ Thống Hỗ Trợ Nhiều Cấp Bậc (MTSS)
- Tăng Cường Chất Lượng Giảng Dạy Bậc I
- Thu hút các Học Viên Tiếng Anh tại California thông qua Nghệ Thuật (ECELA)
- Can Thiệp và Hỗ Trợ Hành Vi Tích Cực (PBIS)
- Khoa Học về Môn Đọc - Tập trung vào giảng dạy về Nhận Thức Ngữ Âm, Ngữ Âm và Từ Vựng
- Triển khai eduCLIMBER - một công cụ MTSS để quản lý dữ liệu

Địa điểm:

Hoạt động học tập chuyên môn sẽ diễn ra trong nhiều bối cảnh khác nhau. Trong sáu ngày phát triển chuyên môn, giáo viên sẽ tham dự các hội thảo để học các kỹ thuật giảng dạy, phân tích bài tập của học sinh và cùng nhau lập kế hoạch triển khai các phương pháp mới. Các giáo viên chủ chốt đôi khi được cử đi tham dự các buổi “đào tạo giảng viên”, sau đó họ sẽ hỗ trợ các đồng nghiệp của mình trên khắp học khu. Giáo viên và ban giám hiệu thường tận dụng các hội thảo và chương trình đào tạo do Văn Phòng Giáo Dục Quận Los Angeles, các trường đại học, nhà xuất bản chương trình giảng dạy và các tổ chức giáo dục tư nhân cung cấp. Hiệu trưởng nhà trường sẽ cung cấp hoạt động huấn luyện và phản hồi riêng cho từng giáo viên về công tác giảng dạy trên lớp. Các giáo viên mới hội đủ điều kiện của chúng tôi được khuyến khích tham gia chương trình Hỗ Trợ và Trợ Giúp Giáo Viên Mới Vào Nghề (BTSA)/Hướng Dẫn, qua đó họ sẽ nhận được sự cố vấn từ những đồng nghiệp giàu kinh nghiệm. Vào mỗi Tháng Tám, các giáo viên mới đến học khu sẽ tham dự buổi định hướng giới thiệu về chương trình giảng dạy và các sáng kiến quan trọng của học khu. Cả chuyên gia ELD/Can Thiệp và giáo viên giáo dục đặc biệt đều có buổi học chuyên môn mỗi tháng một lần để chia sẻ các phương pháp hay nhất, phân tích dữ liệu và thống nhất các quy trình và thủ tục liên quan đến nhóm học sinh mà họ phục vụ. Hiệu trưởng các trường họp mặt hàng tuần để thảo luận dữ liệu, trao đổi chuyên môn qua các nhóm đọc sách, và cộng tác, đồng thời cũng tiến hành các chuyến thăm lớp học thường xuyên để đưa ra phản hồi cho đồng nghiệp về các ưu tiên của trường.

Ngoài ra, trường còn có 75 phút phát triển chuyên môn trong hai ngày “vào lớp muộn” mỗi tháng và thời gian cộng tác theo khối lớp hàng tuần. Mỗi khối lớp cũng họp với hiệu trưởng nhà trường trong các cuộc họp Cộng Đồng Học Tập Chuyên Môn (PLC) hai lần một tháng. Năm nay, các lĩnh vực trọng tâm của trường bao gồm

- Tận dụng công nghệ giáo dục để thu hút học sinh
- Ưu tiên các Tiêu Chuẩn Cốt Lõi Chung để đẩy nhanh việc học và giảm thiểu tình trạng mất kiến thức do đóng cửa trường học
- Các biện pháp thực hành tốt nhất để hỗ trợ Học Viên Tiếng Anh với ELD tích hợp và cho học sinh có kết quả kém trong các nhóm nhỏ

Phát triển Chuyên môn

Trường Janson vẫn có thể tiếp tục cung cấp chương trình phát triển chuyên môn trong Google Classroom và các Ứng dụng Google khác cũng như tham dự các hội nghị về Giáo Dục Sử Dụng Máy Tính. Janson cũng tiếp tục tham gia chương trình huấn luyện The Leader in Me và các ngày cộng đồng cũng như chương trình huấn luyện iReady và tiếp tục tận dụng thời gian họp nhân viên để hỗ trợ trong các lĩnh vực như Google Apps, TLIM, iReady và các chiến lược can thiệp.

Bảng này hiển thị số ngày học dành riêng cho phát triển nhân viên và cải tiến liên tục.

Môn học	2022-23	2023-24	2024-25
Số ngày học dành cho Phát triển nhân viên và Cải tiến liên tục	6	4	4